

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Đào tạo Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
(Electrical and Electronic Engineering Technology)

Loại hình đào tạo : Chính quy

Mã số : 7510301

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHV ngày /8/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Nội dung chương trình

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	BT, TL, TH	Tự học	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	38				
1.1		Bắt buộc	34				
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3	30	15	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	10	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	60	DPT319 DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	60	
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	60	
		Chọn 1 ngoại ngữ					
6 7 8 9	GET501_1	Tiếng Anh 1 (1)	3	36	9	90	
	GET501_2	Tiếng Anh 1 (2)	2	24	6	60	
	GET502_1	Tiếng Anh 2 (1)	3	36	9	90	
	GET502_2	Tiếng Anh 2 (2)	2	24	6	60	
	LCC501_1	Tiếng Trung 1 (1)	3	36	9	90	
	LCC501_2	Tiếng Trung 1 (2)	2	24	6	60	
	LCC502_1	Tiếng Trung 2 (1)	2	24	6	60	
	LCC502_2	Tiếng Trung 2 (2)	3	36	9	90	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	1TC				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	1TC				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	1TC				
13	PHE104	Giáo dục thể chất 4	1TC				
14	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165T				
15	MAT253	Toán cao cấp A1	2	20	10	60	

16	MAT254	Toán cao cấp A2	2	20	10	60	
17	MAT355	Toán chuyên ngành kỹ thuật	3	30	15	90	
18	PHY252	Vật lí đại cương A1	2	20	10	60	
19	ELE201	Cơ học ứng dụng	2	20	10	60	
20	DPT213	Pháp luật đại cương	2	24	6	60	
1.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
21	MAT251	Xác suất thống kê	2*	20	10	60	
	INT241	Ngôn ngữ lập trình Pascal	2*	20	10	60	
	PHY253	Vật lí đại cương A2	2*	20	10	60	
	INT240	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật	2*	20	10	60	
	ELE202	Phương pháp NCKH chuyên ngành Kỹ thuật	2*	20	10	60	
II		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	112				
2.1		Kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành	25				
23	MEC302	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	25	20	90	
24	ELE203	An toàn công nghiệp	2	20	10	60	
25	ELE204	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	2	20	10	60	
26	ELE205	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	2	20	10	60	
27	ELE206	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	2	20	10	60	
28	ELE207	Điều khiển khí nén và thủy lực	2	20	10	60	
29	ELE308	Kỹ thuật điện tử tương tự	3	30	15	90	
30	ELE209	Thực hành điện, điện tử cơ bản	2	3	27	60	
31	ELE310	Kỹ thuật điện tử số	3	30	15	90	
32	ELE211	Vật liệu điện	2	20	10	60	
33	MEC228	Tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật	2	20	10	60	
2.2		Kiến thức ngành	68				
a)		Bắt buộc	60				
34	ELE412	Máy điện	4	40	20	120	
35	ELE213	Điều khiển PLC và biến tần	2	20	10	60	
36	ELE314	Điện tử công suất	3	30	15	90	
37	ELE215	Khí cụ điện	2	20	10	60	
38	ELE316	Cơ sở truyền động điện	3	30	15	90	
39	ELE317	Vi xử lý – vi điều khiển	3	30	15	90	
40	ELE318	Đo lường và thông tin công nghiệp	3	30	15	90	
41	ELE319	Điều khiển logic và PLC	3	25	20	90	
42	ELE320	Thực hành điện, điện tử chuyên ngành	3		45	90	
43	ELE384	Thực hành lắp đặt điện	3		45	90	
44	ELE421	Hệ thống cung cấp điện	4	40	20	120	
45	ELE222	Điều khiển CNC	2	20	10	60	
46	ELE223	Thiết bị điện dân dụng	2	20	10	60	

47	ELE324	Trang bị điện cho các máy công nghiệp	3	30	15	90	
48	ELE285	Đồ án 1	2		30	60	
49	ELE286	Đồ án 2	2		30	60	
50	ELE227	Kỹ thuật cảm biến	2	20	10	60	
51	ELE228	Thiết kế điện tử công suất	2	20	10	60	ELE314
52	ELE329	Thiết kế và mô phỏng mạch điện – điện tử	3	25	20	90	
53	ELE330	Lý thuyết điều khiển tự động	3	30	15	90	
54	ELE387	Thực hành kỹ sư 1	3		45	90	
55	ELE388	Thực hành kỹ sư 2	3		45	90	
b)		Tự chọn (Chọn 4 học phần)	8				
56 57 58 59	ELE231	Lý thuyết điều khiển nâng cao	2*	20	10	60	
	ELE232	Tự động hóa quá trình sản xuất	2*	20	10	60	
	ELE233	Logic mờ và ứng dụng	2*	20	10	60	
	ELE234	Hệ thống SCADA	2*	20	10	60	
	ELE235	Nhiệt và thiết bị nhiệt	2*	20	10	60	
2.3		Thực tập, đồ án tốt nghiệp	19				
60	ELE589	Thực tập kỹ sư 1	5				
61	ELE790	Thực tập kỹ sư 2	7				
62	ELE738	Đồ án tốt nghiệp	7				
		Học phần chuyên môn thay thế Đồ án tốt nghiệp (chọn đủ 7 tín chỉ)	7				
63 64 65	ELE361	Truyền thông trong công nghiệp	3	25	20	90	
	ELE262	Ứng dụng cảm biến trong kỹ thuật đo lường và điều khiển	3	25	20	90	
	ELE263	Thiết bị ngoại vi và kỹ thuật ghép nối	2	20	10	60	
	ELE264	Hệ thống nhúng	2	20	10	60	
	ELE265	Điện tử công nghiệp	2	20	10	60	
	ELE391	Tổng hợp hệ điện cơ	3	25	20	90	
	MEC224	Máy nâng chuyển	2	20	10	60	
Cộng:			150				

Ghi chú: Các học phần Tin học đại cương, Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung tích lũy của chương trình đào tạo nhưng là điều kiện để xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I.		Kiến thức giáo dục đại cương	38									
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3		3							
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			2						

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2					
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2				
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2			
		Chọn 1 ngoại ngữ										
6 7 8 9	GET501_1	Tiếng Anh 1 (1)	3			3						
	GET501_2	Tiếng Anh 1 (2)	2			2						
	GET502_1	Tiếng Anh 2 (1)	3				3					
	GET502_2	Tiếng Anh 2 (2)	2				2					
	LCC501_1	Tiếng Trung 1 (1)	3			3						
	LCC501_2	Tiếng Trung 1 (2)	2			2						
	LCC502_1	Tiếng Trung 2 (1)	2				2					
	LCC502_2	Tiếng Trung 2 (2)	3				3					
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	1TC	x								
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	1TC		x							
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	1TC			x						
13	PHE104	Giáo dục thể chất 4	1TC				x					
14	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165T	x								
15	MAT253	Toán cao cấp A1	2	2								
16	MAT254	Toán cao cấp A2	2	2								
17	MAT355	Toán chuyên ngành kỹ thuật	3		3							
18	PHY252	Vật lý đại cương A1	2	2								
19	ELE201	Cơ học ứng dụng	2		2							
20	DPT213	Pháp luật đại cương	2	2								
21		HP kiến thức GDĐC tự chọn 1	2*	2								
22		HP kiến thức GDĐC tự chọn 2	2*		2							
II.		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	112									
		Kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành	25									
23	MEC302	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	3								
24	ELE203	An toàn công nghiệp	2						2			
25	ELE204	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	2	2								
26	ELE205	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	2		2							
27	ELE206	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	2			2						
28	ELE207	Điều khiển khí nén và thủy lực	2				2					
29	ELE308	Kỹ thuật điện tử tương tự	3		3							
30	ELE209	Thực hành điện, điện tử cơ bản	2				2					
31	ELE310	Kỹ thuật điện tử số	3			3						

[illegible]

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
		chọn 1										
64		HP CMTT đồ án tốt nghiệp tự chọn 2	2*								2	
65		HP CMTT đồ án tốt nghiệp tự chọn 3	2*								2	
Cộng:			150	15	17	18	17	19	19	19	16	10